



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1474/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 949 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, cụ thể:

1. Lĩnh vực hải quan: 225 thủ tục hành chính.
2. Lĩnh vực thuế: 219 thủ tục hành chính.
3. Lĩnh vực chứng khoán: 104 thủ tục hành chính.
4. Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể: 95 thủ tục hành chính.
5. Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam: 58 thủ tục hành chính.
6. Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm: 38 thủ tục hành chính.
7. Lĩnh vực quản lý nợ và kinh tế đối ngoại: 30 thủ tục hành chính.
8. Lĩnh vực kế toán, kiểm toán: 28 thủ tục hành chính.
9. Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp nhà nước: 27 thủ tục hành chính.
10. Lĩnh vực bảo hiểm xã hội: 25 thủ tục hành chính.
11. Lĩnh vực quản lý đấu thầu: 16 thủ tục hành chính.
12. Lĩnh vực quản lý công sản: 16 thủ tục hành chính.

13. Lĩnh vực dịch vụ tài chính: 15 thủ tục hành chính.
14. Lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài: 11 thủ tục hành chính.
15. Lĩnh vực kho bạc: 11 thủ tục hành chính.
16. Lĩnh vực chính sách thuế: 08 thủ tục hành chính.
17. Lĩnh vực dự trữ: 07 thủ tục hành chính.
18. Lĩnh vực quản lý giá: 05 thủ tục hành chính.
19. Lĩnh vực quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế: 04 thủ tục hành chính.
20. Lĩnh vực tài chính đất đai: 03 thủ tục hành chính.
21. Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: 03 thủ tục hành chính.
22. Lĩnh vực công nghệ thông tin: 01 thủ tục hành chính.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm rà soát, công bố chuẩn hóa nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính (nếu có sự thay đổi), bảo đảm hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Điều 4. Trong quá trình rà soát, công bố chuẩn hóa nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính (nếu có sự thay đổi), đề nghị thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo cơ quan, đơn vị đang thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp có thay đổi về tên cơ quan, đơn vị thực hiện giải quyết thủ tục hành chính so với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật, các cơ quan, đơn vị sử dụng các biểu mẫu, quy trình giải quyết thủ tục hành chính với tên cơ quan, đơn vị đã được điều chỉnh để bảo đảm các yêu cầu tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Vụ, Cục và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *x*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, VP (4b). *th*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày tháng năm 2025
của Bộ Tài chính)

MỤC LỤC

1. Lĩnh vực hải quan	Trang 1
2. Lĩnh vực thuế	Trang 15
3. Lĩnh vực chứng khoán	Trang 29
4. Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	Trang 35
5. Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	Trang 45
6. Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	Trang 52
7. Lĩnh vực quản lý nợ và kinh tế đối ngoại	Trang 55
8. Lĩnh vực kế toán, kiểm toán	Trang 57
9. Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp nhà nước	Trang 58
10. Lĩnh vực bảo hiểm xã hội	Trang 61
11. Lĩnh vực quản lý đấu thầu	Trang 62
12. Lĩnh vực quản lý công sản.....	Trang 65
13. Lĩnh vực dịch vụ tài chính.....	Trang 67
14. Lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài	Trang 68
15. Lĩnh vực kho bạc	Trang 68
16. Lĩnh vực chính sách thuế	Trang 69
17. Lĩnh vực dự trữ.....	Trang 70
18. Lĩnh vực quản lý giá	Trang 71
19. Lĩnh vực tài chính đất đai	Trang 71
20. Lĩnh vực quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế	Trang 71
21. Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Trang 72
22. Lĩnh vực công nghệ thông tin	Trang 72

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
I		Lĩnh vực hải quan				
1	1	1.007840	Thủ tục xem hàng hoá trước khi khai hải quan	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
2	2	1.007847	Thủ tục hải quan nhập khẩu kim cương thô	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
3	3	1.007849	Thủ tục hải quan xuất khẩu kim cương thô	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
4	4	1.007895	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ các yêu cầu khẩn cấp; hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyên dùng trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
5	5	2.002264	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hành lý ký gửi của người nhập cảnh, xuất cảnh thất lạc, nhầm lẫn	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
6	6	1.007843	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã xuất khẩu nhưng bị trả lại	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
7	7	1.007844	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đã nhập khẩu nhưng phải xuất trả lại cho khách hàng nước ngoài, tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
8	8	1.009097	Thủ tục hải quan đối với hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức miễn thuế; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyển đi	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
9	9	1.011403	Thủ tục đưa hàng về bảo quản	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
10	10	1.007859	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đăng ký tờ khai một lần	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
11	11	2.002174	Thủ tục khai bổ sung hồ sơ hải quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
12	12	1.005458	Thủ tục huỷ tờ khai hải quan	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
13	13	1.007860	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư (thủ công - điện tử)	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
14	14	1.006442	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra khu thương mại tự do, khu phi thuế quan	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
15	15	1.007863	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa ra đưa vào kho bảo thuế	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
16	16	1.007746	Thủ tục thuê kho bên ngoài doanh nghiệp chế xuất để lưu giữ nguyên liệu, sản phẩm của doanh nghiệp chế xuất, quản lý hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu

17	17	1.009560	Thủ tục kiểm tra, xác nhận khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư đăng ký doanh nghiệp chế xuất	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	- Cơ quan đăng ký đầu tư - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
18	18	1.009563	Thủ tục kiểm tra thực tế điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất (bao gồm doanh nghiệp có dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng)	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
19	19	1.009564	Thủ tục kiểm tra thực tế điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (nếu có) hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và đang trong quá trình hoạt động, bao gồm cả các doanh nghiệp chế xuất đã được cơ quan hải quan xác nhận về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trước ngày Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
20	20	1.013477	Kế hoạch mua tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	- Cục HQ - Chi Cục HQ Khu vực - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
21	21	1.013478	Đăng ký mua bổ sung tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2023	Cấp trung ương	- Cục HQ - Chi Cục HQ Khu vực - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
22	22	1.013479	Hồ sơ mua tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2024	Cấp trung ương	- Chi Cục HQ Khu vực - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
23	23	1.013480	Báo cáo tình hình sử dụng tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2025	Cấp trung ương	- Cục HQ - Chi Cục HQ Khu vực - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
24	24	1.013481	Báo cáo mất, cháy, hỏng tem điện tử thuốc lá nhập khẩu hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2026	Cấp trung ương	- Cục HQ - Chi Cục HQ Khu vực - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
25	25	1.013482	Báo cáo hoàn thành hủy tem điện tử thuốc lá nhập khẩu, hoặc tem điện tử rượu nhập khẩu.	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2027	Cấp trung ương	- Cục HQ - Chi Cục HQ Khu vực - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
26	26	1.007742	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quyền phân phối của doanh nghiệp chế xuất	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
27	27	1.007747	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài theo quyền xuất khẩu, nhập khẩu, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
28	28	1.007754	Thủ tục đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất, để xây dựng nhà xưởng, lắp đặt thiết bị cho doanh nghiệp chế xuất, hàng hoá nhập khẩu tạo tài sản cố định, hàng tiêu dùng nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu

29	29	1.007854	Thủ tục xuất khẩu nguyên liệu, vật tư đặt gia công ở nước ngoài	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
30	30	1.007855	Thủ tục hải quan xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế thải, phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê mượn	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
31	31	1.007857	Thủ tục hải quan xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị tạm xuất phục vụ gia công	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
32	32	1.012470	Thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ; thủ tục mua bán hàng hoá giữa doanh nghiệp chế xuất với doanh nghiệp nội địa; thủ tục mua bán hàng hoá giữa hai doanh nghiệp chế xuất; thủ tục giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp; thủ tục đối với nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu trước khi ký kết hợp đồng gia công, bên nhận gia công được sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để cung ứng cho hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài; thủ tục đối với nguyên liệu, vật tư do tổ chức, cá nhân tại Việt Nam cung cấp theo chỉ định của thương nhân nước ngoài để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
33	33	1.007878	Thủ tục tạm xuất sản phẩm gia công ra nước ngoài để tái chế sau đó tái nhập trở lại Việt Nam	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
34	34	1.006429	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; thủ tục đối với phế liệu, phế phẩm được phép xuất khẩu ra nước ngoài; thủ tục xuất khẩu sản phẩm làm từ nguyên liệu nhập khẩu; thủ tục đối với phế liệu, phế phẩm của doanh nghiệp chế xuất được phép bán vào thị trường nội địa; thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
35	35	2.001243	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
36	36	2.001206	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ khu phi thuế quan hoặc từ nội địa vào kho ngoại quan	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
37	37	2.001204	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
38	38	2.001201	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất kho ngoại quan đưa vào nội địa hoặc nhập khẩu vào khu phi thuế quan hoặc tạm nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
39	39	1.011724	Thủ tục thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hoá xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
40	40	1.011725	Thủ tục thông báo hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia công	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
41	41	1.013489	Thủ tục thay đổi cửa khẩu xuất hoặc đưa trở lại kho ngoại quan đối với hàng hoá gửi kho ngoại quan đã đưa ra cửa khẩu xuất nhưng không xuất được hoặc chỉ xuất được một phần	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu

42	42	1.006440	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu; thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư do bên nhận gia công tự cung ứng cho hợp đồng gia công; thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài; thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hoá xuất khẩu; thủ tục nhập khẩu sản phẩm đặt gia công ở nước ngoài	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
43	43	1.007797	Thủ tục đề nghị, gia hạn và chấm dứt thời hạn kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và bổ sung, thay đổi thông tin đề nghị kiểm tra, giám sát	Quyết định số 446/QĐ-BTC ngày 31/3/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
44	44	1.007846	Thủ tục đề nghị tạm dừng, gia hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	Quyết định số 446/QĐ-BTC ngày 31/3/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
45	45	1.007808	Thủ tục xác định trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Quyết định số 1722/QĐ-BTC ngày 10/8/2023	Cấp trung ương	Cục Hải quan
46	46	1.009058	Thủ tục trừ lùi chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu	Quyết định số 1722/QĐ-BTC ngày 10/8/2023	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
47	47	1.007816	Thủ tục thành lập địa điểm kiểm tra là chân công trình hoặc kho của công trình, nơi sản xuất	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
48	48	1.007799	Thủ tục thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Cục Hải quan
49	49	1.007891	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa của người xuất cảnh, nhập cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua biên giới	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
50	50	2.000043	Thủ tục đối với hàng hóa xuất khẩu/ nhập khẩu là tài liệu chứng từ không có giá trị thương mại gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
51	51	1.000106	Thủ tục đối với hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế trong định mức theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, trừ hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu hoặc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
52	52	1.000096	Thủ tục đối với hàng hóa xuất khẩu có giá trị dưới năm triệu đồng Việt Nam và không có thuế xuất khẩu, trừ hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu hoặc thuộc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
53	53	2.000038	Thủ tục đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa xuất khẩu đóng ghép với hàng hóa quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
54	54	1.000086	Thủ tục hàng hóa lạc tuyến quốc tế (hàng hóa từ nước này lạc tuyến sang nước khác)	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu

55	55	2..00002	Thủ tục điện tử đối với tàu biển đã nhập cảnh ở một cảng biển của Việt Nam sau đó đến cảng biển, cảng thủy nội địa khác và phương tiện nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh, xuất cảnh tại cảng biển, cảng thủy nội địa Việt Nam	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
56	56	1.009156	Thủ tục đăng ký, cấp sổ hải quan giám sát phương tiện và giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan	Quyết định số 1753/QĐ-BTC ngày 03/9/2019	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
57	57	1.008608	Thủ tục chấm dứt đại lý giám sát hải quan	Quyết định số 1753/QĐ-BTC ngày 03/9/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
58	58	1.008609	Thủ tục đăng ký, công nhận đại lý giám sát hải quan	Quyết định số 1753/QĐ-BTC ngày 03/9/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
59	59	1.007642	Thủ tục hải quan đối với gói, kiện hàng hóa nhập khẩu có giá trị hải quan trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 và Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2019 của Chính phủ và không thuộc mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu, kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ bưu chính	Quyết định số 1893/QĐ-BTC ngày 24/9/2019	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
60	60	1.007643	Thủ tục hải quan đối với gói, kiện hàng hóa xuất khẩu có trị giá hải quan dưới 5 triệu đồng, được miễn thuế xuất khẩu hoặc chịu thuế xuất khẩu với thuế suất là 0% và không thuộc mặt hàng phải có giấy phép xuất khẩu, kiểm tra chuyên ngành	Quyết định số 1893/QĐ-BTC ngày 24/9/2019	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
61	61	1.007644	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh	Quyết định số 1893/QĐ-BTC ngày 24/9/2019	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
62	62	1.007645	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu có trị giá hải quan trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ và không thuộc mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu, kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh	Quyết định số 1893/QĐ-BTC ngày 24/9/2019	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
63	63	1.007646	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu có trị giá hải quan dưới năm triệu đồng, được miễn thuế xuất khẩu hoặc chịu thuế xuất khẩu với thuế suất là 0%, không thuộc mặt hàng phải có giấy phép xuất khẩu, kiểm tra chuyên ngành gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh	Quyết định số 1893/QĐ-BTC ngày 24/9/2019	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
64	64	1.009065	Thủ tục hải quan đối với tàu biển, tàu bay tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
65	65	1.009091	Thủ tục tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia, tàu thuyền nước ngoài từ Campuchia quá cảnh Việt Nam ra nước ngoài; tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền Campuchia có số hồ hiệu IMO nhập cảnh, xuất cảnh qua đường sông Tiền, sông Hậu	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
66	66	1.009092	Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường sông	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu

67	67	1.009093	Thủ tục hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
68	68	1.007872	Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
69	69	1.009095	Thủ tục hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
70	70	1.009096	Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
71	71	1.009104	Thủ tục mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu của cửa hàng miễn thuế	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
72	72	1.009105	Thủ tục xác nhận kho xăng dầu đủ điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
73	73	1.009110	Thủ tục tạm dừng hoạt động/hoạt động trở lại kho ngoại quan; kho bảo thuế; địa điểm thu gom hàng lẻ; kho xăng dầu; kho hàng không kéo dài; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	- Cục HQ - Chi Cục HQ Khu vực
74	74	1.009100	Thủ tục tạm dừng hoạt động kinh doanh/hoạt động kinh doanh trở lại cửa hàng miễn thuế	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
75	75	1.009125	Thủ tục công nhận kho bảo thuế	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
76	76	1.009131	Thủ tục mở rộng, thu hẹp, di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho ngoại quan, kho bảo thuế; địa điểm thu gom hàng lẻ; kho xăng dầu; kho hàng không kéo dài; địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính - Cục HQ
77	77	1.009106	Thủ tục công nhận kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
78	78	1.009107	Thủ tục tạm dừng hoạt động/ hoạt động trở lại của địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính - Cục HQ

79	79	1.009101	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cửa hàng miễn thuế	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
80	80	1.009103	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cửa hàng miễn thuế	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	- Cục HQ - Chi Cục HQ Khu vực - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
81	81	1.009132	Thủ tục chấm dứt hoạt động kho ngoại quan; kho bảo thuế; địa điểm thu gom hàng lẻ; kho xăng dầu; kho hàng không kéo dài; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới; kho bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
82	82	1.009109	Thủ tục cấp mã địa điểm thu gom hàng lẻ (đối với doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ nằm trong khu vực cảng biển, cảng cạn là doanh nghiệp kinh doanh cảng)	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	- Cục HQ - Chi Cục HQ Khu vực
83	83	1.009126	Thủ tục công nhận địa điểm thu gom hàng lẻ	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
84	84	1.009124	Thủ tục công nhận kho ngoại quan	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
85	85	1.009127	Thủ tục công nhận kho hàng không kéo dài	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
86	86	1.009128	Thủ tục công nhận địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
87	87	1.009129	Thủ tục công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực biên giới	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
88	88	1.009133	Thủ tục chấm dứt hoạt động địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa	Quyết định số 1080/QĐ-BTC ngày 20/7/2020	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính - Cục HQ
89	89	1.000115	Thủ tục nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy không nhằm mục đích thương mại	Quyết định số 1681/QĐ-BTC ngày 19/8/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
90	90	2.000048	Thủ tục tái xuất khẩu xe ô tô, xe gắn máy đã tạm nhập khẩu miễn thuế	Quyết định số 1681/QĐ-BTC ngày 19/8/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
91	91	1.001342	Thủ tục chuyển nhượng, cho, tặng xe ô tô, xe gắn máy đã tạm nhập khẩu miễn thuế	Quyết định số 1681/QĐ-BTC ngày 19/8/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
92	92	1.007850	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá trung chuyển tại cảng biển	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
93	93	1.007740	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển độc lập	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu

94	94	1.007741	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển kết hợp	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
95	95	1.007751	Thủ tục hải quan hàng hóa là tài sản di chuyển	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
96	96	1.007881	Thủ tục hải quan đối với hàng bán tại cửa hàng miễn thuế, nhưng chuyển sang tái xuất	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
97	97	1.007882	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế, nhưng được đưa vào bán ở thị trường nội địa	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
98	98	1.007885	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
99	99	1.006468	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập - tái xuất	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
100	100	1.009081	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để phục vụ hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, khám chữa bệnh, nghiên cứu và phát triển sản phẩm trong thời gian nhất định	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
101	101	1.007864	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
102	102	1.009084	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
103	103	1.007865	Thủ tục hải quan đối với trường hợp tạm nhập, tạm xuất các phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
104	104	1.007879	Thủ tục hải quan đối với thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, khuôn, mẫu tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để sản xuất, thi công công trình, thực hiện dự án, thử nghiệm	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
105	105	1.007880	Thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
106	106	1.009087	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập khác	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
107	107	1.007824	Thủ tục tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam	Quyết định số 671/QĐ-BTC ngày 24/4/2020	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
108	108	3.000137	Thủ tục đăng ký, sửa đổi, bổ sung thông tin và hủy hiệu lực thông tin tài khoản người sử dụng thông qua Hệ thống ACTS	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
109	109	3.000138	Thủ tục công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
110	110	3.000139	Thủ tục đình chỉ, thu hồi quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
111	111	3.000140	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất phát từ Việt Nam quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN khác	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu

112	112	3.000141	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS từ các nước ngoài ASEAN qua lãnh thổ Việt Nam đến các nước thành viên ASEAN	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
113	113	3.000142	Thủ tục khai bổ sung tờ khai quá cảnh hải quan	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
114	114	3.000143	Thủ tục hủy tờ khai quá cảnh hải quan	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
115	115	3.000144	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN và nhập khẩu vào Việt Nam hoặc hàng hóa quá cảnh từ các nước thành viên ASEAN qua lãnh thổ Việt Nam đến từ các nước ngoài ASEAN	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
116	116	3.000145	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh từ các nước thành viên ASEAN qua lãnh thổ Việt Nam đến các nước thành viên ASEAN khác	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
117	117	3.000146	Thủ tục dự phòng thông qua Hệ thống ACTS trong trường hợp Hệ thống ACTS không hoạt động (thủ tục quá cảnh hàng hóa ACTS dự phòng)	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
118	118	3.000147	Thủ tục bảo lãnh hàng hóa quá cảnh thông qua hệ thống ACTS	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
119	119	3.000148	Thủ tục đặt cọc tiền bảo lãnh hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
120	120	3.000149	Thủ tục miễn bảo lãnh nhiều hành trình thông qua Hệ thống ACTS	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
121	121	3.000150	Thủ tục giảm bảo lãnh nhiều hành trình thông qua Hệ thống ACTS	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
122	122	3.000151	Thủ tục hủy bỏ bảo lãnh thông qua Hệ thống ACTS	Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 08/5/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
123	123	1.008615	Thủ tục tạm xuất đối với hàng hóa tạm quan	Quyết định số 1032/QĐ-BTC ngày 10/7/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
124	124	1.008616	Thủ tục tái nhập đối với hàng hóa tạm quan	Quyết định số 1032/QĐ-BTC ngày 10/7/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
125	125	1.008617	Thủ tục tạm nhập đối với hàng hóa tạm quan	Quyết định số 1032/QĐ-BTC ngày 10/7/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
126	126	1.008618	Thủ tục tái xuất đối với hàng hóa tạm quan	Quyết định số 1032/QĐ-BTC ngày 10/7/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
127	127	2.002322	Thủ tục cấp sổ tạm quan hàng hóa (sổ ATA)	Quyết định số 1032/QĐ-BTC ngày 10/7/2020	Cấp trung ương	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
128	128	2.002323	Thủ tục cấp sổ ATA thay thế	Quyết định số 1032/QĐ-BTC ngày 10/7/2020	Cấp trung ương	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
129	129	2.002324	Thủ tục hoàn trả sổ ATA	Quyết định số 1032/QĐ-BTC ngày 10/7/2020	Cấp trung ương	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
130	130	1.009055	Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu

131	131	1.009076	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ nội địa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
132	132	1.009079	Báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
133	133	1.009056	Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
134	134	1.009057	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người xuất cảnh, quá cảnh, khách du lịch bằng đường biển, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
135	135	1.009059	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
136	136	1.009060	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
137	137	1.009061	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
138	138	1.009062	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
139	139	1.009063	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
140	140	1.009064	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh nhưng giao ở nước ngoài theo yêu cầu của khách	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
141	141	1.009067	Thủ tục đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, tái xuất trong trường hợp hàng hóa nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế sau đó đưa trở lại nội địa	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
142	142	1.009069	Thủ tục đối với hàng hóa tiêu hủy, hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu để đựng hàng miễn thuế	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
143	143	1.009070	Thủ tục đối với tiền mặt của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu vực hạn chế	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
144	144	1.009071	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa miễn thuế trong trường hợp một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Chi cục Hải quan khu vực khác nhau	Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24/9/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
145	145	1.007658	Thủ tục cấp Sổ định mức miễn thuế đối với hàng hóa của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	- Chi cục HQ khu vực - Cục Lễ tân nhà nước (Bộ ngoại giao) - Cơ quan được Bộ ngoại giao ủy quyền

146	146	1.009555	Thủ tục đề nghị xác nhận miễn thuế rượu, bia, thuốc lá nhập khẩu vượt định lượng	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	Bộ ngoại giao
147	147	1.009556	Thủ tục đề nghị xác nhận chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu phục vụ nhu cầu công tác được miễn thuế	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	Bộ ngoại giao
148	148	1.009557	Thủ tục đề nghị xác nhận chủng loại và định lượng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ theo Điều ước quốc tế/Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi chính phủ nước ngoài	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
149	149	1.009558	Thủ tục xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong trường hợp điều ước quốc tế không quy định chủng loại, chất lượng	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	Cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế/cơ quan quản lý chuyên ngành
150	150	1.007887	Tái xuất khẩu xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ	Quyết định số 984/QĐ-BTC ngày 12/5/2021	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
151	151	1.007888	Tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ	Quyết định số 984/QĐ-BTC ngày 12/5/2021	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
152	152	1.007817	Cấp giấy tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ	Quyết định số 984/QĐ-BTC ngày 12/5/2021	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
153	153	1.007826	Chuyển nhượng xe ô tô của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ	Quyết định số 984/QĐ-BTC ngày 12/5/2021	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
154	154	1.007827	Cấp giấy chuyển nhượng xe ô tô của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ	Quyết định số 984/QĐ-BTC ngày 12/5/2021	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
155	155	1.007740	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu thực hiện thủ tục theo hình thức vận chuyển độc lập	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
156	156	1.013483	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá quá cảnh	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
157	157	3.000094	Thủ tục hải quan đối với nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất, chế biến xăng, dầu	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
158	158	2.000012	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu nhập khẩu, tạm nhập	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
159	159	1.000020	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí, nguyên liệu xuất khẩu, tái xuất	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
160	160	1.000014	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí chuyển tiêu thụ nội địa	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
161	161	1.000005	Thủ tục hải quan đối với khí, nguyên liệu xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường ống chuyên dụng	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
162	162	1.003164	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu, hóa chất, khí quá cảnh	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
163	163	1.003122	Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất và pha chế xăng dầu, khí	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
164	164	1.003050	Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu nhập khẩu để gia công xuất khẩu xăng dầu, khí	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu

165	165	1.000034	Thủ tục hải quan đối với xăng dầu cung ứng xuất khẩu, tái xuất cho máy bay	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
166	166	2.000015	Thủ tục hải quan đối với xuất khẩu, tái xuất xăng dầu cho tàu biển	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
167	167	1.007655	Thủ tục thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
168	168	1.007647	Thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với công chức hải quan đã chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
169	169	1.007648	Thủ tục tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
170	170	1.007649	Thủ tục chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
171	171	1.007650	Thủ tục tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
172	172	1.007651	Thủ tục cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
173	173	1.007652	Thủ tục gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
174	174	1.007653	Thủ tục cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
175	175	1.007654	Thủ tục thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
176	176	1.007656	Thủ tục công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
177	177	1.008001	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân qua cửa khẩu biên giới	Quyết định số 2571/QĐ-BTC ngày 10/12/2019	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
178	178	1.008002	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cư dân biên giới	Quyết định số 2571/QĐ-BTC ngày 10/12/2019	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
179	179	1.008000	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thương nhân mua gom của cư dân biên giới	Quyết định số 2571/QĐ-BTC ngày 10/12/2019	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
180	180	1.007901	Thủ tục chấm dứt đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng với ngân hàng thương mại được lựa chọn làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Cục Hải quan
181	181	1.007900	Thủ tục lựa chọn ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng	Quyết định số 814/QĐ-BTC ngày 03/6/2020	Cấp trung ương	Cục Hải quan
182	182	1.007902	Thủ tục kiểm tra hóa đơn kiểm tờ khai hoàn thuế và hàng hóa	Quyết định số 814/QĐ-BTC ngày 03/6/2020	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
183	183	1.007661	Thủ tục giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong thông quan thuộc thẩm quyền của Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
184	184	1.007660	Thủ tục thông báo danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu đối với các trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực

185	185	1.007657	Thủ tục miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội; hàng hóa nhập khẩu để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp đặc biệt khác	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
186	186	1.007663	Thủ tục hoàn thuế, hoàn tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
187	187	1.007662	Thủ tục giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sau thông quan thuộc thẩm quyền của Chi cục Hải quan khu vực	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
188	188	1.009559	Thủ tục không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05/4/2021	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
189	189	.012838	Thủ tục tạm dừng áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính - Cục HQ - Chi cục HQ khu vực
190	190	1.007659	Thủ tục miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Quyết định số 1001/QĐ-BTC ngày 17/5/2023	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
191	191	1.007664	Thủ tục miễn thuế đối với tài sản di chuyển vượt định mức miễn thuế của cơ quan, tổ chức được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động	Quyết định số 1001/QĐ-BTC ngày 17/5/2023	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
192	192	1.007231	Thủ tục xét hoàn thuế xe ô tô chuyển dùng được sản xuất, lắp ráp từ xe ô tô sắt xi	Quyết định số 1338/QĐ-BTC ngày 23/6/2023	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
193	193	1.011669	Thủ tục áp dụng mức thuế suất 0% của Chương trình ưu đãi thuế CNHT ô tô	Quyết định số 1338/QĐ-BTC ngày 23/6/2023	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
194	194	1.008677	Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ (CNHT) ô tô	Quyết định số 1338/QĐ-BTC ngày 23/6/2023	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
195	195	1.011666	Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô	Quyết định số 1338/QĐ-BTC ngày 23/6/2023	Cấp trung ương	- Chi cục HQ khu vực - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
196	196	1.011667	Thủ tục áp dụng mức thuế suất 0% của nhóm 98.49	Quyết định số 1338/QĐ-BTC ngày 23/6/2023	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
197	197	1.007833	Thủ tục khai báo giá tạm tính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khai báo khoản phí bản quyền, giấy phép; các khoản tiền mà người nhập khẩu phải trả từ số tiền thu được sau khi bán lại, định đoạt, sử dụng hàng hóa nhập khẩu được chuyển trực tiếp hay gián tiếp cho người bán dưới mọi hình thức đối với trường hợp tại thời điểm đăng ký tờ khai chưa xác định được giá	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
198	198	1.007641	Thủ tục kiểm tra khoản giảm giá đối với hàng nhập khẩu thuộc thẩm quyền của Cục Hải quan	Quyết định số 2061/QĐ-BTC ngày 28/10/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
199	199	1.007640	Thủ tục kiểm tra khoản giảm giá đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc thẩm quyền của Chi cục Hải quan khu vực trực thuộc Trung ương	Quyết định số 2061/QĐ-BTC ngày 28/10/2019	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
200	200	1.013475	Thủ tục xác định trước trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Cục Hải quan

201	201	1.012839	Thủ tục tham vấn trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	- Chi cục HQ khu vực - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
202	202	1.007738	Thủ tục phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
203	203	1.007739	Thủ tục phân loại máy móc, thiết bị nguyên chiếc ở dạng tháo rời	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
204	204	1.007807	Thủ tục xác định trước mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Cục Hải quan
205	205	1.006948	Thủ tục xác nhận hàng hóa nhập khẩu phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe thuộc Nhóm 98.18	Quyết định số 1338/QĐ-BTC ngày 23/6/2023	Cấp trung ương	Tổng công ty đường sắt Việt Nam
206	206	3.000033	Thủ tục xác nhận loại hình doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm cơ khí trọng điểm theo quy định tại Nghị định số 26/2023/NĐ-CP	Quyết định số 1338/QĐ-BTC ngày 23/6/2023	Cấp trung ương	Bộ Công thương
207	207	1.006951	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc Nhóm 98.22	Quyết định số 1338/QĐ-BTC ngày 23/6/2023	Cấp trung ương	Bộ Xây dựng
208	208	3.000034	Thủ tục xác nhận về đạt tiêu chuẩn xe thiết kế chở tiền thuộc Nhóm 98.23	Quyết định số 1338/QĐ-BTC ngày 23/6/2023	Cấp trung ương	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
209	209	1.011664	Thủ tục xác nhận danh mục hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, linh kiện và bộ phận phụ trợ sản xuất, lắp ráp sản phẩm công nghệ thông tin thuộc Nhóm 98.34	Quyết định số 1338/QĐ-BTC ngày 23/6/2023	Cấp trung ương	Bộ Khoa học và Công nghệ
210	210	1.007905	Thông báo phát hành biên lai	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
211	211	1.007906	Thông báo kết quả hủy biên lai	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
212	212	1.007908	Kiểm tra việc in, phát hành, quản lý và sử dụng biên lai	Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015	Cấp trung ương	Chi cục HQ khu vực
213	213	1.012843	Thủ tục xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	- Cục HQ - Chi Cục HQ Khu vực - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
214	214	1.013490	Thủ tục gia hạn nộp thuế	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	- Cục HQ - Chi Cục HQ Khu vực - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
215	215	1.007781	Thủ tục xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế	Quyết định số 2065/QĐ-BTC ngày 06/10/2022	Cấp trung ương	Cục Hải quan
216	216	1.007782	Thủ tục nộp dẫn tiền thuế nợ	Quyết định số 947/QĐ-BTC ngày 10/5/2023	Cấp trung ương	- Cục HQ - Chi Cục HQ Khu vực - Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu
217	217	1.001324	Thủ tục đăng ký mới, bổ sung thời hạn sử dụng, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Cục Hải quan

218	218	1.001320	Thủ tục bổ sung nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Cục Hải quan
219	219	1.001329	Thủ tục đăng ký kết nối, hủy kết nối với Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử	Quyết định số 2628/QĐ-BTC ngày 09/12/2016	Cấp trung ương	Cục Hải quan
220	220	3.000110	Thủ tục đăng ký tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia	Quyết định số 2638/QĐ-BTC ngày 12/12/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
221	221	3.000107	Thủ tục khóa tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia	Quyết định số 2638/QĐ-BTC ngày 12/12/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
222	222	3.000108	Thủ tục kích hoạt tài khoản (đã khóa) người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia	Quyết định số 2638/QĐ-BTC ngày 12/12/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
223	223	1.008009	Thủ tục thu hồi tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia	Quyết định số 2638/QĐ-BTC ngày 12/12/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
224	224	3.000111	Thủ tục đăng ký sử dụng chữ ký số để thực hiện các thủ tục hành chính hải quan một cửa	Quyết định số 2638/QĐ-BTC ngày 12/12/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
225	225	1.007665	Thủ tục công nhận doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực hải quan	Quyết định số 350/QĐ-BTC ngày 08/3/2019	Cấp trung ương	Cục Hải quan
II			Lĩnh vực thuế			
226	1	1.007042	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
227	2	1.007565	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
228	3	1.008008	Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử/Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch điện tử	Quyết định số 2156/QĐ-BTC ngày 16/9/2024	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
229	4	1.008491	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
230	5	1.008492	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
231	6	1.008493	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay với cơ quan thuế.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực

232	7	1.008494	Đăng ký thuế để cấp mã số thuế nộp thay đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng (nếu có nhu cầu cấp mã số thuế riêng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh); Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài; Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
233	8	1.008495	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
234	9	1.008496	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hóa, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định quản lý chương trình, dự án ODA không hoàn lại.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
235	10	1.008498	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
236	11	1.008499	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
237	12	1.008500	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
238	13	1.008502	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
239	14	1.008503	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện

240	15	1.008504	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
241	16	1.008505	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến), trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
242	17	1.008506	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
243	18	1.008759	Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
244	19	1.010241	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
245	20	1.010244	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
246	21	1.010694	Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
247	22	2.002225	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác có phát sinh nghĩa vụ với NSNN và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
248	23	2.002321	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại)	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
249	24	3.000109	Đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN/ Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN/ Đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN	Quyết định số 407/QĐ-BTC ngày 25/3/2021	Cấp trung ương	Cục Thuế
250	25	2.002229	Đăng ký người phụ thuộc (NPT) giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
251	26	1.007014	Khai thuế GTGT đối với phương pháp khấu trừ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện

252	27	1.007016	Khai thuế Giá trị gia tăng đối với phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
253	28	1.007022	Khai thuế Giá trị gia tăng đối với phương pháp trực tiếp trên doanh thu	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
254	29	1.007026	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
255	30	1.007041	Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
256	31	1.008324	Khai thuế giá trị gia tăng đối với phương pháp khấu trừ thuế đối với dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
257	32	1.008327	Khai bổ sung hồ sơ khai thuế	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
258	33	1.008335	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, khai thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động bán toàn bộ Công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản theo lần phát sinh	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
259	34	1.008344	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của nhà thầu nước ngoài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
260	35	1.008346	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí	Quyết định số 1047/QĐ-BTC ngày 19/3/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
261	36	1.007040	Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
262	37	1.010948	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
263	38	1.010950	Khai thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
264	39	1.007673	Khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh.	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
265	40	1.007674	Khai thay thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
266	41	1.007678	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp góp vốn bằng bất động sản.	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện

267	42	1.007682	Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai)	Quyết định số 2780/QĐ-BTC ngày 18/12/2023	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
268	43	1.007684	Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
269	44	1.007689	Khai thuế đối với cá nhân cho thuê tài sản trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế.	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
270	45	1.008309	Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
271	46	1.008342	Khai thuế thu nhập cá nhân tháng/quý của tổ chức khấu trừ thuế đối với cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp, cá nhân có thu nhập từ phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác.	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
272	47	1.008529	Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức có cá nhân chuyển nhượng phần vốn góp, chứng khoán trong trường hợp cá nhân chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
273	48	1.008532	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân không cư trú có thu nhập từ kinh doanh, cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng được trả từ nước ngoài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
274	49	1.008533	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp, chứng khoán trong trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp, chứng khoán	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
275	50	1.008536	Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) tại nước ngoài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
276	51	1.008538	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là các tài sản khác phải đăng ký quyền sở hữu, không phải là bất động sản.	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
277	52	1.008539	Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) tại nước ngoài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
278	53	1.008542	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện

279	54	2.002233	Khai quyết toán thuế/ Hoàn thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
280	55	2.002235	Khai thuế thu nhập cá nhân tháng/quý của tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với tiền lương, tiền công	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
281	56	2.002237	Khai thuế thu nhập cá nhân tháng/quý đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (bao gồm cả cá nhân nhận thưởng bằng cổ phiếu từ đơn vị sử dụng lao động) thuộc diện khai thuế thu nhập cá nhân trực tiếp với cơ quan thuế.	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
282	57	2.002259	Khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán.	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
283	58	1.007690	Khai thuế năm đối với cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp và hoạt động kinh doanh khác	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
284	59	1.008340	Khai thuế thu nhập cá nhân tháng/quý của tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; Tổ chức, cá nhân khi nhận chuyển nhượng vốn góp của cá nhân không cư trú	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
285	60	1.008530	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
286	61	1.011007	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức khai thay cho cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn do nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
287	62	1.011008	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức nơi cá nhân góp vốn khai thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân góp vốn bằng phần vốn góp, chứng khoán	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
288	63	1.011009	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức nơi cá nhân có vốn góp khai thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân góp vốn bằng bất động sản	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
289	64	1.011020	Khai thuế đối với tổ chức khai thay và nộp thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức, tổ chức chỉ trả cho cá nhân đạt doanh số, tổ chức là chủ sở hữu sản phẩm dịch vụ thương mại điện tử, tổ chức tại Việt Nam là đối tác của nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
290	65	1.011021	Khai thuế đối với tổ chức, cá nhân khai thay cho cá nhân có tài sản cho thuê	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
291	66	1.011022	Khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện

292	67	1.008570	Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam	Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
293	68	1.008571	Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với Chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án viện trợ phi Chính phủ nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
294	69	1.007277	Khai lệ phí trước bạ nhà, đất/ Miễn lệ phí trước bạ nhà, đất	Quyết định số 2780/QĐ-BTC ngày 18/12/2023	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
295	70	1.007695	Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm.	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
296	71	1.007696	Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với tổ chức -Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
297	72	1.007699	Khai lệ phí trước bạ tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển nếu thiếu hồ sơ gốc hoặc đóng mới tại Việt Nam	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
298	73	1.008312	Khai thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
299	74	1.008317	Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
300	75	1.008319	Khai quyết toán phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước.	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
301	76	1.008321	Khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
302	77	1.008325	Khai phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
303	78	1.008331	Khai thuế đối với tái bảo hiểm nước ngoài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
304	79	1.008333	Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
305	80	1.008336	Khai quyết toán thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
306	81	1.008337	Khai quyết toán thuế TNDN đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
307	82	1.008338	Khai lệ phí môn bài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện

308	83	1.008339	Khai thuế đối với hàng vận tải nước ngoài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
309	84	1.008341	Khai thuế đối với hàng hàng không nước ngoài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
310	85	1.007691	Khai quyết toán thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
311	86	1.010345	Khai thuế đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
312	87	2.002263	Khai thuế sử dụng đất nông nghiệp	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
313	88	1.007700	Khai lệ phí trước bạ/ Miễn lệ phí trước bạ đối với tài sản khác theo quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ (trừ tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển nếu thiếu hồ sơ gốc hoặc đóng mới tại Việt Nam)	Quyết định số 2780/QĐ-BTC ngày 18/12/2023	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
314	89	1.011006	Khai tiền thuê đất, thuê mặt nước	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
315	90	1.008323	Khai thuế bảo vệ môi trường	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
316	91	1.008326	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1)	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
317	92	1.008328	Khai quyết toán thuế TNDN đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1)	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
318	93	1.008332	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
319	94	1.008524	Khai thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
320	95	1.008525	Khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
321	96	1.008526	Khai cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
322	97	1.008547	Khai thuế tài nguyên tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1)	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
323	98	1.008551	Khai thuế tạm tính cho Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
324	99	1.008552	Khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên áp dụng cho Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
325	100	1.008553	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại/ Khai phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại áp dụng cho Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực

326	101	1.008554	Khai quyết toán thuế tài nguyên/ Khai quyết toán phụ thu/ Khai quyết toán thuế TNDN của Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
327	102	1.008758	Khai quyết toán thuế tài nguyên đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1)	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
328	103	1.010951	Khai các khoản thu về hoa hồng dầu, khí, tiền thu về đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
329	104	1.010990	Khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các Hợp đồng phân chia sản phẩm	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
330	105	1.010991	Khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
331	106	1.010992	Khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các Hợp đồng phân chia sản phẩm	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
332	107	1.010993	Khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
333	108	1.010994	Khai phụ thu tạm tính đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng (trừ Lô 09.1)	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
334	109	1.010995	Khai quyết toán phụ thu đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng (trừ Lô 09.1)	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
335	110	1.010998	Khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
336	111	1.010999	Khai thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
337	112	1.011520	Khai, nộp vào ngân sách nhà nước tiền thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp	Quyết định số 149/QĐ-BTC ngày 09/02/2023	Cấp trung ương	Cục Thuế/ Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
338	113	1.008572	Miễn thuế Thu nhập cá nhân đối với Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA.	Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
339	114	1.007720	Miễn thuế Thu nhập cá nhân đối với Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA	Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
340	115	1.007721	Miễn, giảm thuế tài nguyên đối với trường hợp cơ quan thuế quyết định miễn, giảm	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
341	116	1.008568	Miễn, giảm thu tiền sử dụng đất	Quyết định số 2780/QĐ-BTC ngày 18/12/2023	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
342	117	1.008569	Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
343	118	1.008583	Miễn, giảm thuế tài nguyên đối với trường hợp NNT tự xác định số thuế được miễn, giảm	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện

344	119	1.008584	Miễn hoặc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước trường hợp tạm ngừng hoạt động trong các trường hợp bất khả kháng, thiên tai, hỏa hoạn	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
345	120	1.011019	Miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
346	121	1.011023	Miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp gặp khó khăn do gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
347	122	1.011024	Miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
348	123	1.008573	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với cá nhân là đối tượng cư trú của nước ngoài có thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ đầu tư vốn, thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập và thu nhập khác thuộc đối tượng nộp thuế thông qua bên Việt Nam ký hợp đồng hoặc chi trả thu nhập	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
349	124	1.008574	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với cá nhân là đối tượng cư trú Việt Nam được hưởng các quy định miễn, giảm thuế đối với thu nhập quy định tại các Điều khoản thu nhập từ phục vụ Chính phủ, thu nhập của sinh viên, học sinh học nghề và thu nhập của giáo viên, giáo sư và người nghiên cứu	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
350	125	1.008575	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với vận động viên và nghệ sĩ là đối tượng cư trú của nước ngoài có thu nhập từ biểu diễn văn hoá, thể dục thể thao tại Việt Nam	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
351	126	1.008576	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với cá nhân là đối tượng cư trú của nước ngoài có thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ kinh doanh hoặc thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng phát sinh tại Việt Nam do tổ chức, cá nhân trả thu nhập ở nước ngoài chi trả (bao gồm cả trường hợp cá nhân không cư trú có thu nhập tại Việt Nam nhưng nhận thu nhập ở nước ngoài)	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
352	127	1.008577	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với Nhà thầu nước ngoài nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, kê khai	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
353	128	1.008578	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với Nhà thầu nước ngoài nộp thuế theo phương pháp trực tiếp - đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
354	129	1.008579	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với Nhà thầu nước ngoài nộp thuế theo phương pháp trực tiếp - đối với hãng hàng không nước ngoài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
355	130	1.008580	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với Nhà thầu nước ngoài nộp thuế theo phương pháp trực tiếp - đối với hãng vận tải nước ngoài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực

356	131	1.008581	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với Nhà thầu nước ngoài nộp thuế theo phương pháp trực tiếp - đối với tái bảo hiểm nước ngoài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
357	132	1.008582	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với Nhà thầu nước ngoài nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
358	133	1.008585	Miễn thuế, giảm thuế theo Điều ước quốc tế không phải là Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
359	134	3.000088	Miễn tiền chậm nộp	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
360	135	1.008589	Không tính tiền chậm nộp	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
361	136	3.000083	Giảm thuế nhập cá nhân đối với cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, do bị tai nạn; mắc bệnh hiểm nghèo	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
362	137	3.000084	Giảm thuế tiêu thụ đặc biệt đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ theo pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
363	138	1.007037	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư	Quyết định số 2111/QĐ-BTC ngày 09/9/2024	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
364	139	1.007039	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
365	140	1.008558	Hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn tiền viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
366	141	1.008559	Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
367	142	1.008561	Hoàn thuế GTGT đối với chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
368	143	1.008564	Hoàn thuế khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động đối với trường hợp không thuộc diện cơ quan thuế kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
369	144	1.008565	Hoàn nộp thừa các loại thuế và các khoản thu khác	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
370	145	1.011015	Hoàn thuế giá trị gia tăng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
371	146	1.011016	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn tiền viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
372	147	1.011017	Hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng sinh học	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực

373	148	1.011018	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho khách xuất cảnh	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
374	149	1.008562	Hoàn thuế TNCN đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện quyết toán cho các cá nhân có ủy quyền quyết toán thuế	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
375	150	1.008563	Hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
376	151	1.011012	Hoàn thuế theo Điều ước quốc tế khác	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
377	152	1.008513	Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
378	153	1.008590	Gia hạn nộp thuế	Quyết định số 1710/QĐ-BTC ngày 24/8/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
379	154	1.011010	Gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
380	155	1.008588	Nộp dẫn tiền thuế nợ	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
381	156	1.008596	Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt phát sinh trước ngày 01/7/2007 đối với doanh nghiệp nhà nước hoàn thành cổ phần hóa	Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
382	157	1.008597	Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt phát sinh trước ngày 01/7/2007 đối với doanh nghiệp nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu theo hình thức giao, bán	Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
383	158	1.008345	Tra soát, điều chỉnh thông tin thu, nộp ngân sách nhà nước	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
384	159	1.008567	Thủ tục đăng ký điều chỉnh, chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng	Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
385	160	1.008591	Thủ tục xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
386	161	1.007043	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất; Chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
387	162	1.007607	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh do chấm dứt hoạt động kinh doanh; chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
388	163	1.008501	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
389	164	1.008507	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
390	165	1.008509	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng đầu tư, nhà thầu nước ngoài.	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
391	166	1.008510	Khôi phục mã số thuế	Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện

392	167	1.008566	Thủ tục lựa chọn doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng	Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
393	168	1.010761	Đề nghị kết nối để phối hợp thu nộp ngân sách nhà nước (NSNN)/Thay đổi, bổ sung thông tin kết nối/Ngừng kết nối	Quyết định số 407/QĐ-BTC ngày 25/3/2021	Cấp trung ương	Cục Thuế
394	169	1.010949	Thay đổi kỳ tính thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân từ tháng sang quý	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
395	170	1.011013	Xử lý không hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa đối với trường hợp người nộp thuế từ chối nhận lại số tiền nộp thừa	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
396	171	1.011014	Thủ tục bù trừ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
397	172	2.002267	Đề nghị cung cấp dịch vụ T-VAN/ Thay đổi bổ sung thông tin cung cấp dịch vụ T-VAN hoặc thông tin kết nối/ Ngừng cung cấp dịch vụ T-VAN	Quyết định số 407/QĐ-BTC ngày 25/3/2021	Cấp trung ương	Cục Thuế
398	173	3.000087	Điều chỉnh doanh thu và mức thuế khoán của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (Hộ khoán)	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
399	174	1.008593	Thông báo về việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài	Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
400	175	1.008592	Thông báo phương pháp trích khấu hao tài sản cố định.	Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
401	176	1.007780	Thông báo phương pháp trích khấu hao tài sản cố định	Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016	Cấp trung ương	Đội Thuế cấp huyện
402	177	1.008543	Khấu trừ số thuế đã nộp tại nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
403	178	1.008544	Xác nhận đối tượng cư trú của Việt Nam	Quyết định số 2780/QĐ-BTC ngày 18/12/2023	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
404	179	1.008587	Xác nhận số thuế đã nộp tại Việt Nam đối với đối tượng cư trú của nước ngoài	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
405	180	1.011011	Đề nghị áp dụng Thủ tục thỏa thuận song phương theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế
406	181	1.008548	Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
407	182	1.008598	Báo cáo APA thường niên	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
408	183	1.008599	Báo cáo APA đột xuất	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
409	184	1.008601	Đề nghị tham vấn trước khi nộp Hồ sơ đề nghị áp dụng APA chính thức (trong trường hợp người nộp thuế có đề nghị tham vấn)	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
410	185	1.010331	Đề nghị áp dụng APA chính thức	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế
411	186	1.010333	Thỏa thuận song phương	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế

412	187	1.010332	Gia hạn APA	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế
413	188	1.010334	Sửa đổi APA	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế
414	189	1.010335	Hủy bỏ APA	Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế
415	190	1.011042	Đăng kí/ Thay đổi thông tin sử dụng biên lai điện tử	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế/ Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
416	191	1.011043	Đăng ký/ Bổ sung/ Chấm dứt sử dụng thông tin hóa đơn điện tử; Đăng ký/ Bổ sung/ Chấm dứt tài khoản truy cập	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế/ Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
417	192	1.011044	Đăng ký sử dụng hình thức tra cứu thông tin hóa đơn điện tử (Bảng hình thức điện tử/hình thức nhắn tin qua số điện thoại di động)	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế/ Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
418	193	1.011045	Đăng ký kết nối/ Đăng ký dừng kết nối với Cổng thông tin hóa đơn điện tử	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế/ Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
419	194	1.010337	Đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử/ Thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử/ Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử/ Chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế/ Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
420	195	1.010344	Đăng ký cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử/ dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn với cơ quan thuế	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế
421	196	1.010339	Cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
422	197	1.010341	Xử lý hoá đơn điện tử của cơ quan thuế có sai sót	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế/ Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
423	198	1.010343	Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Cục Thuế/ Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
424	199	1.007032	Mua hóa đơn do cơ quan thuế đặt in	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
425	200	1.007033	Tiêu huỷ hoá đơn đặt in mua của cơ quan thuế	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
426	201	1.007709	Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn đặt in đã mua của cơ quan thuế và bảng kê hóa đơn sử dụng trong kỳ/Gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế đối với trường hợp mua hóa đơn của cơ quan thuế	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
427	202	1.007710	Báo cáo biên lai đặt in, tự in trong trường hợp mất, cháy, hỏng	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
428	203	1.007713	Thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành biên lai	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
429	204	1.008304	Xử lý mất, cháy, hỏng hoá đơn đặt in đã mua của cơ quan thuế	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
430	205	1.008307	Thông báo phát hành biên lai đặt in/tự in	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện

431	206	1.008310	Báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu phí, lệ phí	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
432	207	1.008313	Tiêu hủy biên lai	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
433	208	1.011046	Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng tem điện tử	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
434	209	1.011047	Đăng ký kế hoạch mua/mua bổ sung tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
435	210	1.011048	Đề nghị mua tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
436	211	1.011049	Thông báo kết quả hủy tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
437	212	1.011051	Đề nghị chuyển số lượng tem còn tồn khi sáp nhập, chia, tách/chuyển cơ quan thuế quản lý tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
438	213	1.011052	Tổng hợp dữ liệu tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
439	214	1.011050	Báo cáo mất, cháy tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Quyết định số 1463/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
440	215	1.008555	Thông báo về việc ủy nhiệm lập biên lai thu tiền phí, lệ phí/ Thông báo về việc chấm dứt ủy nhiệm lập biên lai thu tiền phí, lệ phí	Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
441	216	1.010237	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế/đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với trường hợp được miễn môn thi	Quyết định số 2217/QĐ-BTC ngày 29/11/2021	Cấp trung ương	Cục Thuế
442	217	1.010239	Đăng ký cấp, cấp lại giấy xác nhận kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế/ Thông báo danh sách nhân viên đại lý thuế thay đổi (đổi thành Thông báo thay đổi thông tin nhân viên đại lý thuế)/Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế	Quyết định số 2217/QĐ-BTC ngày 29/11/2021	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực
443	218	1.010700	Đăng ký tổ chức lớp cập nhật kiến thức/ Thông báo kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức lớp cập nhật kiến thức	Quyết định số 2217/QĐ-BTC ngày 29/11/2021	Cấp trung ương	Cục Thuế
444	219	1.010701	Thông báo sử dụng dịch vụ của Đại lý thuế/Thông báo tạm dừng, chấm dứt sử dụng dịch vụ của Đại lý thuế	Quyết định số 2217/QĐ-BTC ngày 29/11/2021	Cấp trung ương	Chi cục Thuế khu vực/ Đội Thuế cấp huyện
III			Lĩnh vực chứng khoán			
445	1	1.009516	Chào bán chứng khoán ra công chúng cho nhiều đợt chào bán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
446	2	1.009496	Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
447	3	1.009497	Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
448	4	1.009499	Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

449	5	1.009500	Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đóng, quỹ mở lần đầu ra công chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
450	6	1.009503	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đóng, quỹ bất động sản do tăng vốn	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
451	7	1.009504	Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng với giá thấp hơn mệnh giá của công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
452	8	1.009498	Giải thể quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
453	9	1.009501	Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
454	10	1.009502	Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đóng ra công chúng để tăng vốn	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
455	11	1.009508	Đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng của công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
456	12	1.009510	Cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoán đổi danh mục	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
457	13	1.009511	Đăng ký chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
458	14	1.009515	Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo QĐ12	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
459	15	1.009505	Hợp nhất, sáp nhập quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
460	16	1.009506	Cấp lại hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho quỹ hình thành sau chia, tách quỹ mở	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
461	17	1.009507	Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản lần đầu ra công chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
462	18	1.009509	Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản ra công chúng để tăng vốn	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
463	19	1.009512	Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
464	20	1.009513	Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng bằng đồng Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
465	21	1.009514	Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
466	22	1.009517	Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ (QĐ:12/QĐ-BTC)	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
467	23	1.009519	Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán do thay đổi tên công ty, người đại diện theo pháp luật, thay đổi công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng lưu ký, giám sát, thay đổi thời gian hoạt động, thay đổi trụ sở công ty	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
468	24	1.009520	Chấp thuận hợp nhất, sáp nhập công ty đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

469	25	1.009521	Giải thể công ty đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
470	26	1.009523	Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán (QĐ 12/QĐ-BTC)	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
471	27	1.009524	Cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
472	28	1.009525	Chấm dứt tự nguyện hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
473	29	1.009527	Chấm dứt tự nguyện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
474	30	1.009528	Đăng ký giám vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
475	31	1.009531	Rút nghiệp vụ, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
476	32	1.009532	Thành lập chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện tại nước ngoài của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
477	33	1.009533	Đóng cửa chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện tại nước ngoài của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
478	34	1.009534	Thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
479	35	1.009535	Đăng ký cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
480	36	1.009536	Chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
481	37	1.009537	Chấp thuận tổ chức lại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
482	38	1.009538	Tạm ngừng hoạt động công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
483	39	1.009540	Giải thể công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
484	40	1.009541	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

485	41	1.009542	Hợp nhất, sáp nhập quỹ thành viên	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
486	42	1.009543	Cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (12/QĐ-BTC)	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
487	43	1.009522	Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán do tăng, giảm vốn điều lệ	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
488	44	1.009526	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
489	45	1.009529	Bổ sung nghiệp vụ chi nhánh trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
490	46	1.009530	Thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
491	47	1.009539	Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và tất toán tài sản của khách hàng của công ty chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
492	48	1.009544	Cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
493	49	1.009546	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
494	50	1.009545	Thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
495	51	1.009547	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
496	52	1.009548	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
497	53	1.009549	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên do tăng, giảm vốn điều lệ	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
498	54	1.009552	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục do thay đổi tên quỹ, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
499	55	1.009553	Đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
500	56	1.009550	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ bất động sản do thay đổi thời hạn hoạt động	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
501	57	1.009551	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục do thay đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
502	58	1.009554	Đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty hình thành sau hợp nhất công ty không thuộc trường hợp tái cơ cấu doanh nghiệp	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

503	59	1.009561	Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của công ty sau chia, tách công ty	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
504	60	1.009567	Đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng tại Việt Nam của doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
505	61	1.009568	Đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
506	62	1.009572	Đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá thấp hơn mệnh giá của công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
507	63	1.009577	Đăng ký chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
508	64	1.009640	Công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
509	65	1.009651	Công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
510	66	1.009686	Công ty cổ phần đăng ký phát hành cổ phiếu để chào mua công khai	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
511	67	1.009696	Đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
512	68	1.009724	Công ty đại chúng đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
513	69	1.009726	Đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
514	70	1.009728	Đăng ký phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
515	71	1.009730	Đăng ký phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
516	72	1.009734	Đăng ký phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền của công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
517	73	1.009779	Đăng ký chào bán cổ phiếu ra nước ngoài của công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
518	74	1.009780	Đăng ký phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài của công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
519	75	1.009789	Đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở số cổ phiếu đang lưu hành tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
520	76	1.009790	Đăng ký chào mua công khai.	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
521	77	1.009792	Mua lại cổ phiếu	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
522	78	1.009795	Thay đổi việc mua lại cổ phiếu	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

523	79	1.009797	Hủy tư cách công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
524	80	1.009798	Chấp thuận đăng ký niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành nước ngoài	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
525	81	1.009799	Chấp thuận đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
526	82	1.009796	Đăng ký công ty đại chúng.	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
527	83	1.009800	Thông báo, thay đổi về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
528	84	1.009801	Đề nghị chấp thuận cho tổ chức nước ngoài được sở hữu trên 49% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
529	85	1.009802	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
530	86	1.009803	Chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán tự nguyện	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
531	87	1.009805	Đăng ký làm ngân hàng thanh toán đối với ngân hàng thương mại	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
532	88	1.009806	Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
533	89	1.009808	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
534	90	1.009807	Cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của chi nhánh, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
535	91	1.009809	Rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
536	92	1.009816	Đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của công ty đại chúng.	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
537	93	1.009817	Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng.	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
538	94	1.009818	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
539	95	1.009819	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
540	96	1.009820	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn cấp cho chi nhánh, giám đốc chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

541	97	1.009821	Gia hạn hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
542	98	1.009822	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
543	99	1.009823	Đăng ký phát hành, chào bán cổ phần, tăng vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ tại Việt Nam	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
544	100	1.009875	Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
545	101	1.009876	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đóng, quỹ mở, quỹ bất động sản	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
546	102	1.009877	Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục lần đầu ra công chúng	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
547	103	1.009878	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán đối với trường hợp phải có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
548	104	1.010548	Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán	Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 07/01/2021	Cấp trung ương	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
IV		Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể				
549	1	1.010010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
550	2	1.010023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
551	3	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
552	4	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

553	5	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
554	6	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
555	7	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
556	8	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
557	9	1.005169	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
558	10	2.002011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
559	11	2.002010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
560	12	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

561	13	2.002008	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
562	14	1.005114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
563	15	2.002000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
564	16	2.001996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
565	17	2.001993	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
566	18	2.002044	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
567	19	2.001992	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
568	20	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

569	21	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
570	22	2.002070	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
571	23	2.002031	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
572	24	2.002075	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
573	25	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
574	26	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

575	27	1.005176	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
576	28	1.010026	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
577	29	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
578	30	2.002083	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
579	31	2.002059	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
580	32	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
581	33	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

582	34	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
583	35	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
584	36	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
585	37	1.010027	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
586	38	2.002018	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
587	39	2.002017	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
588	40	2.002015	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
589	41	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

590	42	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	Quyết định số 885/QĐ-BKHDT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHDT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
591	43	2.002022	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Quyết định số 885/QĐ-BKHDT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHDT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
592	44	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Quyết định số 885/QĐ-BKHDT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHDT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
593	45	2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Quyết định số 885/QĐ-BKHDT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHDT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
594	46	2.000368	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Quyết định số 885/QĐ-BKHDT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHDT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
595	47	2.000416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Quyết định số 885/QĐ-BKHDT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHDT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
596	48	2.000375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Quyết định số 885/QĐ-BKHDT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHDT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
597	49	1.010029	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Quyết định số 885/QĐ-BKHDT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHDT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

598	50	1.010030	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
599	51	1.010031	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
600	52	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
601	53	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
602	54	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
603	55	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
604	56	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
605	57	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
606	58	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
607	59	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
608	60	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
609	61	2.002644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
610	62	2.002645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện

611	63	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
612	64	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
613	65	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
614	66	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
615	67	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
616	68	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
617	69	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
618	70	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
619	71	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
620	72	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
621	73	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
622	74	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
623	75	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
624	76	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
625	77	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Quyết định 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
626	78	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
627	79	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện

628	80	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
629	81	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
630	82	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
631	83	2.002418	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	Quyết định số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03/6/2022	Cấp trung ương, cấp tỉnh	Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV tại Trung ương và địa phương
632	84	1.005100	Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên	Quyết định số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03/6/2022	Cấp Trung ương	Cơ quan đầu mối thuộc Bộ và cơ quan ngang Bộ được giao tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên
633	85	2.001999	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	Quyết định số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03/6/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính các địa phương
634	86	2.000024	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
635	87	1.000016	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
636	88	2.000005	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
637	89	2.002005	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
638	90	2.002004	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018	Cấp tỉnh	Cơ quan đăng ký kinh doanh được giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

639	91	1.000062	Công bố thông tin thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; tăng, giảm vốn góp của quỹ; gia hạn thời gian hoạt động của quỹ; thanh lý, giải thể quỹ và kết quả giải thể quỹ trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018	Cấp Trung ương	Bộ Tài chính
640	92	2.002226	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Quyết định số 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/2019	Cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp xã
641	93	2.002227	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	Quyết định số 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/2019	Cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp xã
642	94	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Quyết định số 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/2019	Cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp xã
643	95	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 2373/QĐ-BKHĐT ngày 11/10/2024	Cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp xã
V		Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam				
644	1	1.009627	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.
645	2	1.009628	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
646	3	1.009629	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
647	4	1.009630	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
648	5	1.009631	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

649	6	1.009632	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
650	7	1.009633	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
651	8	1.009634	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
652	9	1.009635	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ; - Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
653	10	1.009636	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính tiếp nhận hồ sơ; - Thủ tướng Chính phủ chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư
654	11	1.009642	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định;
655	12	1.009644	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư.
656	13	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.
657	14	1.009646	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
658	15	1.009647	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

659	16	1.009649	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - UBND cấp tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có); - Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).
660	17	1.009650	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - UBND cấp tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có); - Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).
661	18	1.009652	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - UBND cấp tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có); - Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).
662	19	1.009653	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - UBND cấp tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có); - Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).
663	20	1.009654	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - UBND cấp tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có); - Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).
664	21	1.009655	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - UBND cấp tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có); - Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).
665	22	1.009656	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ; - UBND cấp tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có); - Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

666	23	1.009657	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
667	24	1.009659	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - UBND cấp tỉnh quyết định gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư); - Sở Tài chính quyết định gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư (đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư).
668	25	1.009661	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Sở Tài chính tiếp nhận và thông báo việc ngừng hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan
669	26	1.009662	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính tiếp nhận và thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
670	27	1.009664	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
671	28	1.009665	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
672	29	1.009671	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ và cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
673	30	1.009729	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài.	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài
674	31	1.009731	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
675	32	1.009736	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.

676	33	1.009742	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến và tổ chức thẩm định; - UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.
677	34	1.009748	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định và chấp thuận chủ trương đầu tư
678	35	1.009755	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định và chấp thuận nhà đầu tư
679	36	1.009756	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
680	37	1.009757	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến và tổ chức thẩm định; - UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
681	38	1.009759	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định và chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
682	39	1.009760	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
683	40	1.009762	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến và tổ chức thẩm định; - UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh); - Ban Quản lý quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý).

684	41	1.009763	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy kiến và tổ chức thẩm định; - UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh); - Ban Quản lý quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý).
685	42	1.009764	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy kiến và tổ chức thẩm định; - Ban Quản lý chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của BQL); - UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh).
686	43	1.009765	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy kiến và tổ chức thẩm định; - Ban Quản lý chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của BQL); - UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh).
687	44	1.009766	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy kiến và tổ chức thẩm định; - Ban Quản lý chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của BQL); - UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh).

688	45	1.009767	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy kiến và tổ chức thẩm định; - Ban Quản lý chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của BQL); - UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh).
689	46	1.009768	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy kiến và tổ chức thẩm định; - Ban Quản lý chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của BQL); - UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh).
690	47	1.009769	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	Quyết định số 469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024	Cấp Tỉnh	- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy kiến và tổ chức thẩm định; - Ban Quản lý chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của BQL); - UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh).

691	48	1.009770	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	- Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, lấy kiến và tổ chức thẩm định; - Ban Quản lý chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của BQL); - UBND cấp tỉnh chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh).
692	49	1.009771	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Ban Quản lý tiếp nhận và thông báo việc ngừng hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan
693	50	1.009772	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Ban Quản lý tiếp nhận thông báo của nhà đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
694	51	1.009774	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Ban Quản lý cấp lại hoặc hiệu chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
695	52	1.009773	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
696	53	1.009775	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và thông báo việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần
697	54	1.009776	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Ban Quản lý cấp Giấy chứng đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
698	55	1.009777	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/06/2021	Cấp tỉnh	Ban Quản lý thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.
699	56	2.002725	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Quyết định số 453/QĐ-BKHĐT ngày 17/02/2025	Cấp tỉnh	Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế
700	57	2.002726	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Quyết định số 453/QĐ-BKHĐT ngày 17/02/2025	Cấp tỉnh	Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế
701	58	2.002727	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Quyết định số 453/QĐ-BKHĐT ngày 17/02/2025	Cấp tỉnh	Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế
VI			Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm			
702	1	1.012366	Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
703	2	1.012364	Phê chuẩn hoặc thay đổi phương pháp phân chia thặng dư trong bảo hiểm nhân thọ.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính

704	3	1.012363	Đăng ký nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
705	4	1.012362	Thực hiện (hoặc điều chỉnh, chấm dứt) hoạt động đầu tư ra nước ngoài.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
706	5	1.012361	Đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
707	6	1.012355	Thay đổi nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
708	7	1.012365	Giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chấm dứt hoạt động chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
709	8	1.012360	Chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
710	9	1.012359	Đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
711	10	1.012358	Mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
712	11	1.012357	Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
713	12	1.012356	Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
714	13	1.012354	Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
715	14	1.012350	Tăng, giảm vốn điều lệ, vốn được cấp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
716	15	1.012348	Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
717	16	1.012347	Gia hạn giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
718	17	1.012346	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính

719	18	1.012345	Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
720	19	1.012344	Cấp giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
721	20	1.012343	Chi trả từ Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	Quyết định số 220/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
722	21	1.012341	Đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô	Quyết định số 217/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
723	22	1.012340	Đề nghị cấp/cấp lại giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô	Quyết định số 217/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
724	23	1.012339	Đăng ký/thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí của sản phẩm bảo hiểm vi mô	Quyết định số 217/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
725	24	1.012337	Thành lập Hội đồng quản lý quỹ bảo hiểm xe Cơ giới	Quyết định số 218/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
726	25	1.012342	Đề nghị giải thể của tổ chức bảo hiểm tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô	Quyết định số 217/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
727	26	1.012338	Thay đổi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bảo hiểm xe Cơ giới.	Quyết định số 218/QĐ-BTC ngày 01/02/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
728	27	1.011422	Chuyển đổi chứng chỉ bảo hiểm	Quyết định số 3032/QĐ-BTC ngày 23/12/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
729	28	1.010389	Phúc khảo bài thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm	Quyết định số 3032/QĐ-BTC ngày 23/12/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
730	29	1.010392	Phúc khảo bài thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm	Quyết định số 3032/QĐ-BTC ngày 23/12/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
731	30	1.010390	Đăng ký thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm	Quyết định số 3032/QĐ-BTC ngày 23/12/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
732	31	1.010387	Thi cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm	Quyết định số 3032/QĐ-BTC ngày 23/12/2024	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
733	32	1.010373	Cấp phép thành lập và hoạt động tổ chức bảo hiểm tương hỗ	Quyết định số 2044/QĐ-BTC ngày 23/9/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
734	33	1.010370	Chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp bảo hiểm	Quyết định số 2044/QĐ-BTC ngày 23/9/2016	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
735	34	1.010369	Chấp thuận DNBH triển khai bảo hiểm khai thác hải sản	Quyết định số 2044/QĐ-BTC ngày 23/9/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
736	35	2.002170	Phê chuẩn/thay đổi sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp	Quyết định số 1707/QĐ-BTC ngày 29/8/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
737	36	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Quyết định số 1707/QĐ-BTC ngày 29/8/2019	Cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp xã

738	37	1.005411	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	Quyết định số 1707/QĐ-BTC ngày 29/8/2019	Cấp tỉnh	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
739	38	2.002169	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	Quyết định số 1707/QĐ-BTC ngày 29/8/2019	Cấp tỉnh	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
VII		Lĩnh vực quản lý nợ và kinh tế đối ngoại				
740	1	3.000042	Cấp bảo lãnh chính phủ cho ngân hàng chính sách	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính thực hiện, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt
741	2	3.000043	Đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Người bảo lãnh đối với nợ trái phiếu đến hạn của ngân hàng chính sách	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính thực hiện, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt
742	3	3.000047	Mua lại, hoán đổi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
743	4	3.000048	Thẩm định cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính, cơ quan được uỷ quyền cho vay lại thực hiện. Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt
744	5	3.000049	Chấp thuận ngân hàng phục vụ cho khoản vay, khoản phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của doanh nghiệp	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
745	6	3.000050	Điều chỉnh, sửa đổi các nội dung liên quan đến Thư bảo lãnh	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
746	7	3.000051	Thế chấp một phần tài sản hình thành từ nguồn vốn được Chính phủ bảo lãnh cho bên thứ ba	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
747	8	2.002250	Đề nghị chuyển nhượng, chuyển giao khoản vay của Người nhận bảo lãnh	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
748	9	3.000052	Chuyển nhượng, chuyển giao dự án, tài sản sau đầu tư của đối tượng được bảo lãnh	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
749	10	3.000053	Chuyển nhượng, chuyển giao cổ phần, vốn góp của đối tượng được bảo lãnh	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính thực hiện, Thủ tướng Chính phủ quyết định
750	11	3.000054	Vay bắt buộc từ Quỹ Tích lũy trả nợ của đối tượng được bảo lãnh	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
751	12	2.002251	Đề nghị chuyển nhượng, chuyển giao khoản phát hành trái phiếu của đối tượng được bảo lãnh	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính thực hiện, Thủ tướng Chính phủ quyết định
752	13	3.000055	Phê duyệt chủ trương bảo lãnh Chính phủ đối với doanh nghiệp	Quyết định số 1734/QĐ-BTC ngày 04/10/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính thực hiện, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt
753	14	3.000056	Cấp bảo lãnh Chính phủ cho khoản vay của doanh nghiệp	Quyết định số 1679/QĐ-BTC ngày 26/10/2020	Cấp trung ương	Bộ Tài chính thực hiện, Thủ tướng Chính phủ quyết định
754	15	3.000057	Cấp bảo lãnh chính phủ cho khoản phát hành trái phiếu của doanh nghiệp	Quyết định số 1679/QĐ-BTC ngày 26/10/2020	Cấp trung ương	Bộ Tài chính thực hiện, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt

755	16	3.000059	Thủ tục Giải ngân vốn vay JICA cho hợp phần phát triển nguồn nhân lực và hợp phần dự án nghiên cứu thuộc Dự án Nâng cấp trường Đại học Cần Thơ.	Quyết định số 2059/QĐ-BTC ngày 26/9/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
756	17	3.000060	Hướng dẫn thủ tục thanh toán từ tài khoản đặc biệt vốn vay JICA cho Chương trình đào tạo vệ tinh cơ bản của Dự án ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu sử dụng vệ tinh quan sát trái đất (Dự án Trung tâm Vũ trụ Việt Nam)	Quyết định số 2059/QĐ-BTC ngày 26/9/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
757	18	3.000062	Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính vốn vay (ODA) của Chính phủ Nhật Bản cho Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (Dự án JICA2)	Quyết định số 2059/QĐ-BTC ngày 26/9/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
758	19	3.000067	Hướng dẫn thủ tục rút vốn bổ sung từ tài khoản đặc biệt vốn vay JICA cho Chương trình đào tạo vệ tinh cơ bản của Dự án ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu sử dụng vệ tinh quan sát trái đất (Dự án Trung tâm Vũ trụ Việt Nam)	Quyết định số 2059/QĐ-BTC ngày 26/9/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
759	20	3.000071	Giải ngân từ Tài khoản tiếp nhận viện trợ về tài khoản thực hiện dự án thành phần đối với Dự án đảm bảo an ninh lương thực cho các nông dân bị thiệt thòi (2KR)	Quyết định số 2059/QĐ-BTC ngày 26/9/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
760	21	3.000077	Thủ tục rút vốn đối với phần vốn vay theo phương thức hỗ trợ ngân sách áp dụng đối với dự án “Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam” vay vốn Ngân hàng Thế giới	Quyết định số 2059/QĐ-BTC ngày 26/9/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
761	22	1.009387	Thủ tục sửa đổi thư tín dụng (L/C) đối với trường hợp rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức rút vốn bằng L/C có thư cam kết	Quyết định số 1679/QĐ-BTC ngày 26/10/2020	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
762	23	1.009388	Thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức rút vốn bằng thư tín dụng (L/C) từ tài khoản tạm ứng	Quyết định số 1679/QĐ-BTC ngày 26/10/2020	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
763	24	1.009391	Thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức Hoàn vốn.	Quyết định số 1679/QĐ-BTC ngày 26/10/2020	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
764	25	1.009389	Thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức thanh toán trực tiếp	Quyết định số 1679/QĐ-BTC ngày 26/10/2020	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
765	26	1.009390	Thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức rút vốn bằng L/C có thư cam kết.	Quyết định số 1679/QĐ-BTC ngày 26/10/2020	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
766	27	1.009392	Thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức rút vốn lần đầu về tài khoản tạm ứng	Quyết định số 1679/QĐ-BTC ngày 26/10/2020	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
767	28	1.009393	Thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức rút vốn bổ sung Tài khoản tạm ứng hoặc báo cáo chi tiêu từ TKTƯ.	Quyết định số 1679/QĐ-BTC ngày 26/10/2020	Cấp trung ương	Bộ Tài chính

768	29	2.002199	Xác nhận chuyên gia cấp bộ	Quyết định số 1753/QĐ-BKHDT ngày 28/11/2018	Cấp trung ương	Cơ quan chủ quản (các chủ dự án của các chương trình, dự án ODA có chuyên gia nước ngoài làm việc và cần xác nhận chuyên gia) cấp bộ
769	30	2.002058	Xác nhận chuyên gia cấp tỉnh	Quyết định số 1753/QĐ-BKHDT ngày 28/11/2018	Cấp tỉnh	Cơ quan chủ quản (các chủ dự án của các chương trình, dự án ODA có chuyên gia nước ngoài làm việc và cần xác nhận chuyên gia) cấp tỉnh
VIII		Lĩnh vực kế toán kiểm toán				
770	1	3.000061	Thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài	Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 23/3/2020	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
771	2	1.007435	Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán	Quyết định số 1837/QĐ-BTC ngày 18/9/2017	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
772	3	1.007473	Thủ tục Đăng ký sửa đổi chế độ Kế toán theo Thông tư số 200/2014/TTBTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp	Quyết định số 2083/QĐ-BTC ngày 30/9/2019	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
773	4	1.007474	Thủ tục Đăng ký sửa đổi chế độ Kế toán theo Thông tư số 133/2016/TTBTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	Quyết định số 2083/QĐ-BTC ngày 30/9/2019	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
774	5	1.007634	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (điều chỉnh)	Quyết định số 2083/QĐ-BTC ngày 30/9/2019	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
775	6	1.007635	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cấp lại)	Quyết định số 2083/QĐ-BTC ngày 30/9/2019	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
776	7	1.007638	Thủ tục Đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng	Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 23/3/2020	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
777	8	1.007475	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (Cấp mới)	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
778	9	1.007632	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (Cấp lại)	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
779	10	1.007631	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (Điều chỉnh)	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
780	11	1.007633	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (Cấp lần đầu)	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
781	12	1.007637	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
782	13	1.007636	Thủ tục Đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
783	14	1.007639	Đăng ký thực hiện cập nhật kiến thức hàng năm cho kiểm toán viên đăng ký hành nghề kiểm toán.	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT

784	15	1.007422	Thủ tục Chấp thuận hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán đủ điều kiện tổ chức cập nhật kiến thức	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
785	16	1.007423	Thủ tục Xin hoãn giờ cập nhật kiến thức đối với kế toán viên hành nghề	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
786	17	1.007426	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (Cấp mới)	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
787	18	1.007437	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết thời hạn, khi kế toán viên thay đổi nơi làm việc hoặc nơi đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, khi thay đổi tên của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
788	19	1.007456	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
789	20	1.007444	Thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên hành nghề bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
790	21	1.007451	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp dịch vụ kế toán tại Việt Nam (Cấp lần đầu)	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
791	22	1.007459	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
792	23	1.007380	Thủ tục Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên (đăng ký lần đầu)	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
793	24	1.007384	Thủ tục Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kế toán viên (đăng ký lần đầu)	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
794	25	1.007411	Thủ tục Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên (đăng ký thi lại các môn chưa đạt hoặc thi tiếp các môn chưa thi)	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
795	26	1.007412	Thủ tục Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
796	27	1.007413	Thủ tục Đăng ký dự thi chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ kế toán viên	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
797	28	1.013507	Thủ tục xin hoãn giờ cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên	Quyết định số 1435/QĐ-BTC ngày 26/6/2024	Cấp trung ương	Cục QLGS KTKT
IX		Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp nhà nước				
798	1	1.007612	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc các Bộ, ngành	Quyết định số 1844/QĐ-BTC ngày 18/9/2017	Cấp trung ương	Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước

799	2	1.007581	Thủ tục lập, tổng hợp, giao và phân bổ dự toán hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước	Quyết định số 1844/QĐ-BTC ngày 18/9/2017	Cấp trung ương	Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước
800	3	1.007608	Thủ tục lập, tổng hợp, giao và phân bổ dự toán hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị thuộc địa phương	Quyết định số 1844/QĐ-BTC ngày 18/9/2017	Cấp trung ương	Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước
801	4	1.007610	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị thuộc các Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước	Quyết định số 1844/QĐ-BTC ngày 18/9/2017	Cấp trung ương	Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước
802	5	1.007613	Thủ tục quyết toán kinh phí hỗ trợ	Quyết định số 1844/QĐ-BTC ngày 18/9/2017	Cấp trung ương	Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước
803	6	1.007623	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	Quyết định số 1844/QĐ-BTC ngày 18/9/2017	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
804	7	1.010060	Thủ tục cấp tạm ứng kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị của địa phương	Quyết định số 1844/QĐ-BTC ngày 18/9/2017	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
805	8	3.000187	Thủ tục chi hỗ trợ cấp bù 2 quỹ khen thưởng – phúc lợi cho các doanh nghiệp quốc phòng – an ninh	Quyết định số 2541/QĐ-BTC ngày 11/12/2017	Cấp trung ương	Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
806	9	3.000203	Thủ tục thẩm định, chấp thuận chủ trương các khoản vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả dưới hình thức hợp đồng vay gắn với dự án đầu tư của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm	Quyết định số 271/QĐ-BTC ngày 10/3/2022	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
807	10	3.000213	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (cấp Trung ương)	Quyết định số 1399/QĐ-BTC ngày 11/7/2022	Cấp trung ương	Cơ quan đại diện chủ sở hữu cấp trung ương
808	11	3.000214	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (cấp Tỉnh)	Quyết định số 1399/QĐ-BTC ngày 11/7/2022	Cấp tỉnh	Cơ quan đại diện chủ sở hữu cấp địa phương
809	12	2.002665	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Quyết định số 2295/QĐ-BKHĐT ngày 26/9/2024	Cấp tỉnh	Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan đăng ký kinh doanh
810	13	2.002666	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV	Quyết định số 2295/QĐ-BKHĐT ngày 26/9/2024	Cấp tỉnh	Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan đăng ký kinh doanh
811	14	2.002667	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	Quyết định số 2295/QĐ-BKHĐT ngày 26/9/2024	Cấp tỉnh	Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan đăng ký kinh doanh

812	15	1.000621	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính - Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
813	16	1.000575	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính - Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
814	17	2.000230	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính - Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
815	18	1.000609	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp trung ương	- Bộ Tài chính - Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
816	19	2.000237	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp trung ương	Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
817	20	2.000213	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp trung ương	Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
818	21	2.000188	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp trung ương	Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 206 Luật Doanh nghiệp
819	22	2.000198	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp trung ương	- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Bộ Tài chính.
820	23	2.000529	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp tỉnh	UBND cấp tỉnh
821	24	2.001061	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp tỉnh	UBND cấp tỉnh
822	25	2.001025	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp tỉnh	UBND cấp tỉnh
823	26	1.002395	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp tỉnh	UBND cấp tỉnh và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 206 Luật Doanh nghiệp
824	27	2.001021	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý)	Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2022	Cấp tỉnh	UBND cấp tỉnh

X		Lĩnh vực bảo hiểm xã hội				
825	1	1.002051	Đăng ký, điều chỉnh đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	Quyết định 1318/QĐ-BHXH ngày 19/9/2023	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
826	2	1.002179	Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng BHXH tự nguyện; cấp sổ BHXH	Quyết định 1318/QĐ-BHXH ngày 19/9/2023	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
827	3	1.001939	Đăng ký đóng, cấp thẻ BHYT đối với người chỉ tham gia BHYT	Quyết định 1318/QĐ-BHXH ngày 19/9/2023	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
828	4	1.002759	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH, thẻ BHYT	Quyết định 1318/QĐ-BHXH ngày 19/9/2023	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
829	5	1.001667	Giải quyết hưởng chế độ ốm đau	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
830	6	2.000693	Giải quyết hưởng chế độ thai sản	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
831	7	1.001598	Giải quyết hưởng trợ cấp DSPHSK sau ốm đau, thai sản, TNLĐ, BNN	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
832	8	1.001632	Giải quyết hưởng chế độ TNLĐ, BNN đối với trường hợp bị TNLĐ lần đầu	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
833	9	1.001521	Giải quyết hưởng chế độ TNLĐ, BNN do thương tật, bệnh tật tái phát	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
834	10	1.001643	Giải quyết hưởng chế độ TNLĐ, BNN đối với trường hợp đã bị TNLĐ, BNN, nay tiếp tục bị TNLĐ hoặc BNN	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
835	11	2.000821	Giải quyết hưởng chế độ tử tuất	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
836	12	2.000762	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh	BHXH
837	13	1.001613	Giải quyết hưởng BHXH một lần	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
838	14	2.000605	Giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
839	15	2.000755	Giải quyết hưởng trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng ra nước ngoài để định cư và công dân nước ngoài đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng không còn cư trú ở Việt Nam	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
840	16	2.000809	Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được Toà án hủy quyết định tuyên bố mất tích	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH

841	17	1.001742	Giải quyết chuyển hưởng sang địa bàn khác đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng và người chờ hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
842	18	1.001710	Giải quyết điều chỉnh, hủy quyết định, chấm dứt hưởng BHXH	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
843	19	1.001646	Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Nghị định số 14/2020/NĐ-CP	Quyết định số 186/QĐ-BHXH ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
844	20	2.000717	Truy lĩnh lương hưu, trợ cấp BHXH của người hưởng đã chết nhưng còn chế độ chưa nhận	Quyết định 538/QĐ-BHXH ngày 04/4/2023	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
845	21	2.000740	Người hưởng lĩnh chế độ BHXH bằng tiền mặt chuyển sang lĩnh bằng tài khoản cá nhân và ngược lại, hoặc thay đổi thông tin cá nhân	Quyết định 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
846	22	1.001601	Ủy quyền lĩnh thay các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp	Quyết định 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
847	23	1.001798	Ký hợp đồng khám, chữa bệnh BHYT	Quyết định số 1003/QĐ-BHXH ngày 16/7/2024	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
848	24	1.001909	Thanh toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT với cơ sở khám, chữa bệnh BHYT	Quyết định số 1003/QĐ-BHXH ngày 16/7/2024	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
849	25	1.001656	Thanh toán trực tiếp chi phí khám, chữa bệnh BHYT/Cấp giấy chứng nhận không cùng chi trả trong năm	Quyết định số 1003/QĐ-BHXH ngày 16/7/2024	Cấp tỉnh/huyện	BHXH
XI		Lĩnh vực quản lý đấu thầu				
850	1	1.009487	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp trung ương)	Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025	Cấp trung ương	-Quốc hội; - Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương; cơ quan tổ chức được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập và được giao dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hội đồng thẩm định nhà nước; - Hội đồng thẩm định liên ngành; - Hội đồng thẩm định cấp cơ sở.

851	2	1.009488	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp trung ương)	Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025	Cấp trung ương	-Quốc hội; - Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương; cơ quan tổ chức được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập và được giao dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hội đồng thẩm định nhà nước; - Hội đồng thẩm định liên ngành; - Hội đồng thẩm định cấp cơ sở.
852	3	1.009489	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp trung ương)	Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025	Cấp trung ương	-Quốc hội; - Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương; cơ quan tổ chức được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập và được giao dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hội đồng thẩm định nhà nước; - Hội đồng thẩm định liên ngành; - Hội đồng thẩm định cấp cơ sở.
853	4	1.009490	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp trung ương)	Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025	Cấp trung ương	-Quốc hội; - Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương; cơ quan tổ chức được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập và được giao dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hội đồng thẩm định nhà nước; - Hội đồng thẩm định liên ngành; - Hội đồng thẩm định cấp cơ sở.

854	5	2.002602	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (cấp trung ương)	Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025	Cấp trung ương	- Bộ, cơ quan ngang Bộ; - Cơ quan, đơn vị được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực giao nhiệm vụ tiếp nhận và xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư.
855	6	1.009491	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025	Cấp tỉnh	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định.
856	7	1.009492	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025	Cấp tỉnh	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định.
857	8	1.009493	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025	Cấp tỉnh	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định.
858	9	1.009494	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025	Cấp tỉnh	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định.
859	10	2.002603	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất.	Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/4/2025	Cấp tỉnh	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (dự án do UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền); - Ban Quản lý khu kinh tế; - Cơ quan, đơn vị được Trưởng Ban quản lý khu kinh tế giao nhiệm vụ tiếp nhận và xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư (đối với dự án thực hiện tại Khu kinh tế).
860	11	2.002610	Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với nhà thầu, nhà đầu tư	Quyết định số 1351/QĐ-BKHĐT ngày 14/6/2024	Cấp trung ương	Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia, Cục Quản lý đấu thầu

861	12	2.002611	Cập nhật thông tin tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Quyết định số 1351/QĐ-BKHĐT ngày 14/6/2024	Cấp trung ương	Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia, Cục Quản lý đấu thầu
862	13	1.012507	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Quyết định số 1351/QĐ-BKHĐT ngày 14/6/2024	Cấp trung ương, cấp tỉnh	Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu, Cục Quản lý đấu thầu
863	14	1.012508	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Quyết định số 1351/QĐ-BKHĐT ngày 14/6/2024	Cấp trung ương, cấp tỉnh	Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu, Cục Quản lý đấu thầu
864	15	1.012509	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Quyết định số 1351/QĐ-BKHĐT ngày 14/6/2024	Cấp trung ương, cấp tỉnh	Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu, Cục Quản lý đấu thầu
865	16	1.012510	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Quyết định số 1351/QĐ-BKHĐT ngày 14/6/2024	Cấp trung ương, cấp tỉnh	Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu, Cục Quản lý đấu thầu
XII		Lĩnh vực công sản				
866	1	1.006218	Thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019	Cấp trung ương, cấp tỉnh	Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp.
867	2	1.006219	Thủ tục chi thường đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên	Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019	Cấp trung ương, cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản
868	3	1.006220	Thủ tục thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019	Cấp trung ương, cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản
869	4	1.005436	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản	Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018	Cấp trung ương	Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công (Bộ Tài chính)
870	5	1.005437	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công	Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2019	Cấp trung ương	Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công (Bộ Tài chính)

871	6	1.006221	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019	Cấp trung ương, cấp tỉnh	Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức
872	7	1.006222	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	Quyết định số 828/QĐ-BTC ngày 17/5/2019	Cấp trung ương, cấp tỉnh	Người quyết định hỗ trợ ngân sách quyết định và phải được xác định tại Hợp đồng khoa học và công nghệ, bảo đảm sử dụng hiệu quả tài sản công
873	8	1.011769	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Quyết định số 1610/QĐ-BTC ngày 31/7/2023	Cấp Tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
874	9	3.000257	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	Quyết định số 337/QĐ-BTC ngày 27/02/2024	Cấp trung ương, cấp tỉnh	- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền theo phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với công trình điện trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương); - Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc cơ quan, người có thẩm quyền theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Công thương (đối với công trình điện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên)
875	10	3.000256	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	Quyết định số 337/QĐ-BTC ngày 27/02/2024	Cấp Tỉnh	Cơ quan phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh
876	11	3.000291	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Quyết định số 2292/QĐ-BTC ngày 26/9/2024	Cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính
877	12	3.000327	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp trung ương, cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp Huyện; Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh
878	13	3.000328	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh	Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh

879	14	3.000326	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh, UBND cấp huyện
880	15	3.000325	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh	Chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho doanh nghiệp được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản
881	16	3.000324	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025	Cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
XIII		Lĩnh vực dịch vụ tài chính				
882	1	3.000035	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số	Quyết định số 309/QĐ-BTC ngày 28/02/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
883	2	3.000037	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino	Quyết định số 309/QĐ-BTC ngày 28/02/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
884	3	3.000032	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó	Quyết định số 309/QĐ-BTC ngày 28/02/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
885	4	3.000040	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế	Quyết định số 2291/QĐ-BTC ngày 06/11/2017	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
886	5	3.000036	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài	Quyết định số 135/QĐ-BTC ngày 10/02/2022	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
887	6	3.000038	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện	Quyết định số 309/QĐ-BTC ngày 28/02/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
888	7	3.000029	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm	Quyết định số 309/QĐ-BTC ngày 28/02/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
889	8	3.000027	Thủ tục đăng ký mới, duy trì hoặc loại bỏ tư cách nhà tạo lập thị trường	Quyết định số 309/QĐ-BTC ngày 28/02/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
890	9	2.002245	Thủ tục hướng dẫn cơ chế hỗ trợ lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020	Quyết định số 1853/QĐ-BTC ngày 30/8/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
891	10	1.007241	Thủ tục hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất nông nghiệp	Quyết định số 1853/QĐ-BTC ngày 30/8/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
892	11	3.000046	Thủ tục hướng dẫn về hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất cho các ngân hàng thương mại nhà nước do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản	Quyết định số 1853/QĐ-BTC ngày 30/8/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính

893	12	3.000044	Thủ tục cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách cho vay ưu đãi lãi suất do thực hiện chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30 ^a /2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ	Quyết định số 1853/QĐ-BTC ngày 30/8/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
894	13	3.000041	Thủ tục hướng dẫn cơ chế hỗ trợ lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản	Quyết định số 1853/QĐ-BTC ngày 30/8/2016	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
895	14	3.000161	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.	Quyết định số 902/QĐ-BTC ngày 22/5/2017	Cấp tỉnh	Sở Giao thông vận tải
896	15	3.000039	Thủ tục lập kế hoạch, tạm cấp bù, quyết toán cấp bù lãi suất thực hiện cho vay nhà ở xã hội	Quyết định số 309/QĐ-BTC ngày 28/02/2019	Cấp trung ương	Bộ Tài chính
XIV		Lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài				
897	1	2.000301	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội	Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024	Cấp Trung ương	Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
898	2	1.009562	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội	Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024	Cấp Trung ương	Quốc hội chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài. Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đăng ký điều chỉnh)
899	3	2.002046	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024	Cấp Trung ương	Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
900	4	1.000701	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024	Cấp Trung ương	Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đăng ký điều chỉnh)
901	5	2.000239	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài	Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024	Cấp Trung ương	Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

902	6	1.000381	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài	Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024	Cấp Trung ương	Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đăng ký điều chỉnh)
903	7	1.009565	Hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024	Cấp Trung ương	Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (hiệu đính)
904	8	1.000368	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024	Cấp Trung ương	Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (cấp lại)
905	9	2.000114	Chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024	Cấp Trung ương	Bộ Tài chính ra quyết định chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
906	10	2.002255	Thông báo thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài	Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024	Cấp Trung ương	Bộ Tài chính (Cục ĐTNN)
907	11	2.002256	Thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về nước	Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25/10/2024	Cấp Trung ương	Bộ Tài chính (Cục ĐTNN)
XV			Lĩnh vực kho bạc nhà nước			
908	1	3.000115	Thủ tục nộp tiền vào ngân sách nhà nước	Quyết định số 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020	Cấp trung ương	Ban Giao dịch; KBNN khu vực; Phòng Giao dịch
909	2	3.000117	Thủ tục kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua KBNN	Quyết định số 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020	Cấp trung ương	Ban Giao dịch; KBNN khu vực; Phòng Giao dịch
910	3	3.000114	Thủ tục tất toán tài khoản của đơn vị giao dịch mở tại KBNN	Quyết định số 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020	Cấp trung ương	Ban Giao dịch; KBNN khu vực; Phòng Giao dịch
911	4	3.000116	Thủ tục hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước qua KBNN	Quyết định số 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020	Cấp trung ương	Ban Giao dịch; KBNN khu vực; Phòng Giao dịch
912	5	3.000118	Thủ tục kiểm soát thanh toán các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp	Quyết định số 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020	Cấp trung ương	Ban Giao dịch; KBNN khu vực; Phòng Giao dịch
913	6	3.000119	Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước	Quyết định số 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020; Quyết định số 447/QĐ-BTC ngày 15/3/2024	Cấp trung ương	Ban Giao dịch; KBNN khu vực; Phòng Giao dịch
914	7	3.000120	Thủ tục đối chiếu, xác nhận số dư tài khoản của đơn vị giao dịch tại KBNN	Quyết định số 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020	Cấp trung ương	Ban Giao dịch; KBNN khu vực; Phòng Giao dịch
915	8	3.000121	Thủ tục đăng ký sử dụng tài khoản, bổ sung tài khoản và thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký của đơn vị giao dịch tại KBNN	Quyết định số 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020	Cấp trung ương	Ban Giao dịch; KBNN khu vực; Phòng Giao dịch
916	9	3.000122	Thủ tục hạch toán vốn ODA, vốn vay ưu đãi vào ngân sách nhà nước	Quyết định số 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020	Cấp trung ương	Ban Giao dịch; KBNN khu vực; Phòng Giao dịch
917	10	3.000123	Thủ tục kiểm soát chi vốn nước ngoài qua KBNN	Quyết định số 447/QĐ-BTC ngày 15/3/2024	Cấp trung ương	Ban Giao dịch; KBNN khu vực; Phòng Giao dịch
918	11	3.000124	Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước qua KBNN	Quyết định số 447/QĐ-BTC ngày 15/3/2024	Cấp trung ương	Ban Giao dịch; KBNN khu vực; Phòng Giao dịch

XVI		Lĩnh vực chính sách thuế				
919	1	1.008603	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Quyết định số 967/QĐ-BTC ngày 25/6/2020	Cấp trung ương/ tỉnh/huyện/xã	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường, thị trấn
920	2	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quyết định số 2869/QĐ-BTC ngày 02/12/2024	Cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (hoặc cơ quan được Bộ Công an, Bộ Quốc phòng giao tiếp nhận Tờ khai phí)
921	3	3.000251	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	Quyết định số 44/2024/QĐ-BTC ngày 09/01/2024	Cấp Tỉnh	Đơn vị đăng kiểm
922	4	3.000252	Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên	Quyết định số 44/2024/QĐ-BTC ngày 09/01/2024	Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng, đơn vị đăng kiểm
923	5	3.000253	Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ	Quyết định số 44/2024/QĐ-BTC ngày 09/01/2024	Cấp Tỉnh	Đơn vị đăng kiểm
924	6	3.000254	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	Quyết định số 44/2024/QĐ-BTC ngày 09/01/2024	Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng
925	7	3.000255	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	Quyết định số 44/2024/QĐ-BTC ngày 09/01/2024	Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng, đơn vị đăng kiểm
926	8	1.011729	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc Nhóm 98.22	Quyết định số 1338/QĐ-BTC ngày 23/6/2023	Cấp Tỉnh	Sở Xây dựng
XVII		Lĩnh vực dự trữ				
927	1	1.006481	Mua hàng dự trữ quốc gia (DTQG) theo phương thức đấu thầu	Quyết định 1014/QĐ-BTC ngày 11/5/2016	Cấp trung ương	Cục DTNN, Chi cục DTNN khu vực và Điểm kho
928	2	1.006483	Xuất hàng DTQG theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để cứu trợ	Quyết định 1014/QĐ-BTC ngày 11/5/2016	Cấp tỉnh	Bộ, ngành quản lý hàng DTQG, Bộ Tài chính, Văn phòng chính phủ (trình thủ tướng Chính phủ)
929	3	1.006484	Xuất hàng DTQG theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để viện trợ	Quyết định 1014/QĐ-BTC ngày 11/5/2016	Cấp tỉnh	Bộ, ngành quản lý hàng DTQG và các đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ trực tiếp xuất hàng
930	4	3.000030	Mua hàng DTQG theo phương thức mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng	Quyết định 1014/QĐ-BTC ngày 11/5/2016	Cấp tỉnh	Chi cục DTNN khu vực và Điểm kho
931	5	2.002239	Bán hàng DTQG theo phương thức trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng	Quyết định 1014/QĐ-BTC ngày 11/5/2016	Cấp tỉnh	Chi cục DTNN khu vực và Điểm kho
932	6	3.000031	Mua hàng DTQG theo phương thức đấu thầu (TTHC cấp địa phương)	Quyết định 1014/QĐ-BTC ngày 11/5/2016	Cấp tỉnh	Chi cục DTNN khu vực
933	7	2.002241	Bán hàng DTQG theo phương thức đấu giá	Quyết định 1014/QĐ-BTC ngày 11/5/2016	Cấp tỉnh	Cục DTNN, Chi cục DTNN khu vực và Điểm kho

XVIII		Lĩnh vực quản lý giá				
934	1	2.002633	Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định viên về giá	Quyết định số 1708/QĐ-BTC ngày 22/7/2024 của Bộ Tài chính	Cấp trung ương	Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính
935	2	1.011500	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	Quyết định số 1709/QĐ-BTC ngày 22/7/2024 của Bộ Tài chính	Cấp trung ương	Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính
936	3	2.002634	Đăng ký hành nghề thẩm định giá	Quyết định số 1709/QĐ-BTC ngày 22/7/2024 của Bộ Tài chính	Cấp trung ương	Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính
937	4	1.012735	Hiệp thương giá	Quyết định số 1917/QĐ-BTC ngày 12/8/2024 của Bộ Tài chính	Cấp trung ương, cấp tỉnh	Bộ, cơ quan Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ
938	5	1.012744	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Quyết định số 1917/QĐ-BTC ngày 12/8/2024	Cấp trung ương	Bộ, cơ quan ngang Bộ
XIX		Lĩnh vực tài chính đất đai				
939	1	1.012996	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Quyết định số 2589/QĐ-BTC ngày 31/10/2024	Cấp tỉnh/huyện	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông
940	2	1.012995	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Quyết định số 2589/QĐ-BTC ngày 31/10/2024	Cấp tỉnh/huyện	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông
941	3	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Quyết định số 2589/QĐ-BTC ngày 31/10/2024	Cấp tỉnh/huyện	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông
XX		Lĩnh vực quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế				
942	1	2.002728	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Quyết định số 626/QĐ-BKHĐT ngày 24/02/2025	Cấp tỉnh	- Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế - Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định
943	2	2.002731	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Quyết định số 626/QĐ-BKHĐT ngày 24/02/2025	Cấp tỉnh	- Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế - Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định
944	3	2.002729	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	Quyết định số 626/QĐ-BKHĐT ngày 24/02/2025	Cấp tỉnh	Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế
945	4	2.002732	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	Quyết định số 626/QĐ-BKHĐT ngày 24/02/2025	Cấp tỉnh	Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế

XXI		Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn				
946	1	2.000765	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
947	2	2.000746	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
948	3	1.001664	Giải ngân khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018	Cấp trung ương	Kho bạc Nhà nước
XXII		Lĩnh vực công nghệ thông tin				
949	1	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Quyết định số 336/QĐ-BTC ngày 26/02/2016	Cấp trung ương/cấp tỉnh	Bộ Tài chính/Sở Tài chính